

Cái Váy, Cái Quần của các Bà

Nguyễn Dư

Thuở còn mài đũa quần trên ghế nhà trường, được học bài Hai bà Trưng:

*Bà Trưng quê ở Châu Phong
Giận người tham bạo, thù chồng chẳng quên*

...
*Hồng quần nhẹ bước chinh yên
Đuổi ngay Tô Định dẹp tan biên thành ...*

Nghe thầy giảng lúc ra trận hai bà mặc hồng quần, nghĩa là quần đỏ. Cả lớp khoái chí, cười khúc khích. Sau này đọc sách thấy nhiều học giả đồng ý với thầy.

Hồng quần: quần chính nghĩa là cái váy, cái xiêm, phụ nữ xưa mặc quần đỏ. (Đình Xuân Lâm và Chu Thiên , Đại Nam quốc sử diễn ca, Văn Học, 1966, tr. 87).

Hồng quần: đàn bà (xưa mặc quần đỏ). (Hoàng Xuân Hãn, tập 2, Giáo Dục, 1998, tr. 77).

Hồng quần: quần đỏ (tức con gái). (Đào Duy Anh, Hán Việt từ điển).

Hình ảnh hai bà Trưng mặc quần đỏ đẹp giặc đẹp quá!
Đẹp quá hoá ra ... đáng ngờ!

Theo truyền thuyết thì thời Hùng Vương, đàn ông Việt Nam đóng khố, đàn bà mặc váy kín (váy chui) hoặc váy mở (váy quắn). (Thời đại Hùng Vương, Khoa Học Xã Hội, 1976, tr.177).

Sử nước ta lại cho biết thêm: Năm 1414, nhà Minh cấm con trai con gái không được cắt tóc; đàn bà con gái thì mặc áo ngắn quần dài, hoá theo phong tục phương Bắc. (Đại Việt sử kí toàn thư). Nhà Minh muốn đồng hóa dân ta, cấm đàn bà con gái nước ta mặc váy, bắt phải mặc quần như người Tàu.

Năm 1428 Lê Lợi đánh đuổi được quân Minh, giành lại độc lập cho đất nước. Sử không cho biết cách ăn mặc của dân ta dưới thời Lê Thái Tổ và mấy triều vua kế tiếp.

Thời tự chủ, với ý quyết xoá bỏ hết tàn tích nô lệ về y phục, vua Lê Thần Tông niên hiệu Thịnh Đức năm đầu (1653) định phép ăn mặc cho quan dân. Vua Lê Huyền Tông niên hiệu Cảnh Trị thứ ba (1665) cấm đàn bà con gái không được mặc áo có thắt lưng và mặc quần có ống chân (nghĩa là bắt buộc phải mặc váy). (Nhất Thanh, Đất lề quê thói, Đại Nam, tr. 206).

Vào khoảng năm 1744 chúa Võ Vương ở phương nam bắt dân gian cải cách y phục. Theo giáo sĩ Koffler thì chúa bắt bỏ lối quần áo thô鄙 của người đường ngoài, mà châm chước theo lối quần áo của người Tàu. (Đào Duy Anh, Việt Nam văn hoá sử cương, Bốn Phương, 1961, tr. 173).

Chúa Võ Vương muốn "Triều đình riêng một góc trời, gồm hai văn võ, rạch đôi sơn hà" (Kiều), độc lập đối với vua Lê chúa Trịnh đàng ngoài nên ra lệnh bắt đàn bà đàng trong phải ăn mặc như Tàu. Vì chúa muốn "Thà làm tôi thẳng hủi hơn chịu tủi anh em", mà các bà đàng trong phải mặc quần.

Vua Minh Mạng đi xa thêm một bước nữa:

*Tháng tám (có chỗ hát tháng chín) có chiếu vua ra
Cấm quần không đậy người ta hãi hùng
Không đi thì chợ không đông
Đi thì bóc lột quần chồng sao đang.*

Thật ra thì chưa chắc đã là tháng tám hay tháng chín vì sử nhà Nguyễn chép: tháng 10 năm 1828, truyền đổi cách ăn mặc từ sông Gianh trở ra Bắc. (Quốc triều chính biên toát yếu, Thuận Hoá, 1998, tr. 188). Quần không đậy, "vừa bằng cái thúng mà thúng hai đầu, bên ta thì có bên Tàu thì không", tức là cái váy. Minh Mạng bắt cả đàn bà đàn ông ngoài mặc quần, cấm mặc váy.

Trên lý thuyết thì từ năm 1828 đàn bà cả nước ta đều phải mặc quần theo ý muốn của nhà vua. Nhưng thực tế thì ra sao? Thực tế thì "phép vua thua lệ làng". Đàng sau lũy tre xanh, mọi chuyện trong nhà ngoài xóm đều được dàn xếp theo bộ luật bất thành văn "lệnh ông không bằng công bà". Vua nói vua nghe, váy bà bà mặc. Minh Mạng làm sao mà đụng được vào cái váy của các bà nhà quê đàn ông ngoài! Trong lúc tỉnh thành xô xao kháo nhau cởi váy mặc quần thì thôn quê miền Bắc vẫn khư khư giữ cái váy. Cho mãi đến những năm 1940 vẫn còn cảnh:

*Quanh bếp ấm nôi bánh chưng sùng sục
Thằng cu con dại mắt cổ chờ ăn
Đĩ nhón mớ chiếc váy sồi đen rức
Bà lão nằm tính tuổi sắp thêm năm*
(Anh Thơ, Đêm ba mươi tết, 1941)

Cái váy của ta cứ âm thầm "Khóc cười theo mệnh nước nổi trôi" (Phạm Duy). Nhiều phen được vua yêu, lắm lúc bị chúa ghét! Cái váy cứ nhẫn nhục bám lấy các bà mà tồn tại.

Thế mà hai bà Trưng đã tung ra một mặc quần từ những năm 40-43, nghĩa là gần 14 thế kỷ trước khi nhà Minh ra lệnh bắt đàn bà nước ta mặc quần, gần 18 thế kỷ trước khi vua Minh Mạng cấm mặc váy!

Đầu thế kỷ 20, đàn bà nước ta "quần phần nhiều mặc quần sồi, lĩnh thâm, đôi khi cũng có người mặc quần nhiều đố; ở Nam kỳ và Trung kỳ thì người phong lưu mặc quần nhiều trắng, chốn quê mặc quần vải xanh". (Phan Kế Bính, Việt Nam phong tục, Tổng hợp Đồng Tháp, 1990, tr. 330).

Đến khoảng 1938, dân ta "quần thì chỉ dùng sắc trắng và nâu. Những người già cả mà giàu sang thì ngày hội hè tết nhất mới dùng quần đỏ". (Đào Duy Anh, Việt Nam văn hoá sử cương, sđd, tr. 173).

Hai bà Trưng nhìn xa, đi trước thiên hạ hay cái quần của hai bà ... có vấn đề?

Bàn về quần, trước hết phải đặt câu hỏi quần là cái gì? Chết thật! Ngàn này tuổi đầu mà không biết quần là cái gì à?

Quần (chữ Hán, bộ y) được Huỳnh Tịnh Của và Đào Duy Anh định nghĩa là đồ để che phần dưới thân thể.

Tự điển Génibrel dịch chữ quần là pantalon (quần dài), culotte (quần đùi), jupe (váy đàn bà), vêtement descendant depuis les reins jusqu'aux pieds (đồ mặc che từ eo xuống đến chân).

Quần được Thiều Chửu dịch là cái quần, cái xiêm.

Đang tìm hiểu cái quần lại bị vướng vào cái xiêm. Vậy xiêm là cái gì?

Xiêm là áo choàng che trước ngực (Thiều Chửu), áo che đàng trước (Đào Duy Anh, Hán Việt từ điển), cái váy (Đào Duy Anh, Từ điển truyện Kiều), đồ bận dưới, cái cùn (cùn là đồ bận trên), cái váy (Huỳnh Tịnh Của), jupe (váy dài), jupon (váy ngắn), vêtement inférieur (đồ mặc che phần dưới) (Génibrel), manteau (áo choàng) (Gustave Hue).

Đúc kết các định nghĩa trên, chúng ta hiểu rằng xiêm là cái áo choàng, áo mặc ngoài. Xiêm ngắn, chỉ che phần trên thân thể, thì chỉ có một tên gọi là xiêm. Xiêm dài (che cả phần dưới thân thể) thì ngoài tên xiêm, còn được gọi là quần, hay váy.

Quần là chữ dùng để chỉ đồ mặc che phần dưới thân thể. Quần được dùng cho cả đàn ông và đàn bà. Quần

có thể là cái sa rông của người Miên, cái kilt của người Ecosse ... Đàn ông và đàn bà Tàu đều mặc quần hai ống, cho nên quần đàn ông hay quần đàn bà Tàu đều là ... quần (như cách hiểu ngày nay).

Chỉ có cái quần đàn bà Việt Nam mới lộn độn, rắc rối.

Ngày xưa (tạm cho là trước thời thuộc Minh) đàn bà nước ta không mặc quần. Thế à? Các bà không mặc quần hai ống như ngày nay mà chỉ mặc váy thôi. Chữ quần (hán), chỉ đồ mặc để che phần dưới thân thể của đàn bà Việt Nam ngày xưa, phải được hiểu và phải được dịch nôm là cái váy để khỏi nhầm lẫn với cái quần đàn ông. Điều này đã được tranh dân gian Oger (1909) chứng minh rõ ràng hơn qua một tấm vẽ đàn bà mặc váy.



dã phụ y tử quần,
tục danh quần đùm

野
婦
衣
此
裙
俗
名
裙
襖

Tranh được ghi chú bằng chữ hán nôm "dã phụ y tử quần, tục danh quần đùm" (váy của đàn bà nhà quê, tục gọi là váy đùm). Người đàn bà trong tranh mặc váy, do đó chữ quần (hán) phải được dịch (nôm) là váy. Váy đùm là váy buộc túm cặp lại.

Dường như chỉ có văn học mới dùng hồng quần hay quần hồng để chỉ cái váy.

Bốn cột lang, nha cắn để chồng
Ả thì đánh cái, ả còn ngong
Tế hậu thổ khom khom cật,
Vải hoàng thiên ngửa ngửa lòng
Tám bức quần hồng bay phơi phới,
Hai hàng chân ngọc đứng song song.
Chơi xuân hết tấc xuân đường ấy,
Cột nhỏ đem về để lỗ không.

(Cây đánh đu, Hồng Đức quốc âm thi tập)

Hai cô gái đánh đu, khoe "tám bức quần hồng". Vậy là mỗi cô có "bốn bức quần hồng". Hồ Xuân Hương cũng đưa ra "bốn mảnh quần hồng" trong bài Đánh đu:

(...)

Trai du gối hạc khom khom cật
Gái uốn lưng cong ngửa ngửa lòng
Bốn mảnh quần hồng bay phấp phới
Hai hàng chân ngọc duỗi song song ...

Bốn bức hay bốn mảnh quần hồng ở đây là cái gì? Nếu chỉ là cái quần hai ống thì mỗi ống phải xẻ hai. Ta không có kiểu quần tân kì như thế. Cũng không phải là một mình cái váy vì không có váy nào lại xẻ tư như vậy. Chỉ còn cái áo tứ thân (áo tứ thân có 2 vạt đằng trước, 1 vạt đằng sau) cộng với cái váy mới hợp thành bốn mảnh quần hồng. Cái áo tứ thân (cái xiêm của ta) đã được các tác giả gọi là cái quần. Chúng ta hiểu vì sao Thiều Chửu đã định nghĩa quần là cái xiêm, và Huỳnh Tịnh Của lại định nghĩa cái xiêm là đồ bận dưới, tức là cái quần.

Trong bài Chỗ lội làng Ngang Nguyễn Khuyến có nói đến cái quần đàn bà:

Đầu làng Ngang có một chỗ lội
Có đền ông Cuội cao vòi vọi
Đàn bà đến đấy vén quần lên
Chỗ thì đến háng chỗ đến gối
Ông Cuội ngồi trên mồm mép cười
Cái gì trắng trắng như con cú
Đàn bà khép nép đứng liền thưa
Con trót hớ hênh ông xá tội ...

Đàn bà vén quần, hớ hênh, để lộ cả cái gì trắng trắng như con cú. Các nhà quan sát có thẩm quyền kết luận

rằng người đàn bà trong câu chuyện mặc váy. Quần hai ống vén đến gối hay đến háng thì vẫn còn kín đáo, chưa để lộ bí mật.



Nguyễn Khuyến đã dùng chữ quần theo nghĩa chữ hán, để chỉ cái váy của các bà.

Hình ảnh vén váy để hở cả cơ đồ còn được thấy qua tấm tranh dân gian Hứng dừa dí dỏm.

Qua vài thí dụ kể trên thì thấy rằng từ thế kỷ 15 (Hong Đức quốc âm thi tập) đến đầu thế kỷ 20 (Nguyễn Khuyến) chữ quần đã được văn học Việt Nam dùng theo nghĩa của chữ hán, để chỉ đồ che nửa dưới thân thể. Quần của đàn bà (miền Bắc) Việt Nam ngày xưa là cái váy, cái áo dài (xiêm), chứ chưa phải là cái quần hai ống ngày nay. Hồng quần của hai bà Trưng phải được hiểu là cái váy màu đỏ.

Từ ngày người Pháp cai trị nước ta thì các bà nhà quê miền Bắc mới dần dần mặc quần hai ống như các ông. Một số bà tân thời ở tỉnh thành mặc màu trắng. Dân quê chỉ dùng màu đen hay màu nâu. Ngày nay, cả hai phái nước ta, phái mạnh và phái đề đầu phái mạnh, đều mặc quần hai ống, nhiều màu sắc, kể cả màu hồng, màu đỏ.

Cái váy, cái quần không những đã ám ảnh vua chúa mà còn đè nặng lên đời sống của đám dân đen. Người xưa có phương thuật "chữa mắt hột bằng gấu quần đàn bà". Quần nào chả là quần, tại sao không dùng quần đàn ông mà phải dùng quần đàn bà? Chẳng nam nữ bình quyền tí nào cả! Nam nhi thua thiệt quá! Thật ra thì phương thuật dùng gấu váy, sau này váy hiểm, khó kiếm người ta mới thay váy bằng quần, dĩ nhiên phải là quần đàn bà.

Chữ váy, ngoài nghĩa thông dụng là cái váy đàn bà, còn có nghĩa khác là nạo vét, lau chùi (curer, nettoyer, tự điển Génibrel). Váy là dùng vật gì mà vạy xáy (xoáy) hoặc móc ra. Váy tai nghĩa là móc cứt ráy trong lỗ tai (Huỳnh Tịnh Của).



Váy (đồ mặc) đồng âm với váy (lau chùi, xoáy móc). Do đó, giới bình dân đã dùng cái váy để tượng trưng cho động tác lau chùi. Ai bị đau mắt hột thì lật mí mắt lên, lấy gấu váy dí nhẹ vào mí là tất cả các hột sẽ được đánh sạch.

Từ ngày các bà không mặc váy nữa thì người ta dùng gấu quần. Đứng về mặt chữ nghĩa thì cái quần không giải thích được ý nghĩa của phương thuật. Phải thông qua cái váy mới rõ nghĩa.

Quần đàn ông không dính dáng gì đến váy cho nên không chữa được mắt hột! Quần của các ông thua quần các bà chứ không phải các bà kì thị các ông!

Xưa kia, "thợ may và thợ giặt không nhận may váy, giặt váy cho các bà". Pierre Huard và Maurice Durand (Connaissance du Vietnam, EFEO, Paris, 1954, tr. 178) cho rằng ta bắt chước tục Tàu. Người Tàu kiêng để lẫn lộn quần áo vợ chồng còn trẻ, dưới 70 tuổi.

Thuyết âm dương của Tàu e rằng cao siêu quá, vượt quá xa cái triết lí bình dân của cái váy của ta:

*Sáng trắng em tưởng tối trời
Em ngồi em để sự đời em ra
Sự đời bằng cái lá đa
Đen như mõm chó, chém cha sự đời.*

Bọn thợ may, thợ giặt sợ cái váy có lẽ chỉ vì họ tin rằng váy có ma thuật nạo vét của cải, làm hao tài, sạt nghiệp mà thôi.

Giới trí thức cũng bị váy, quần làm cho vướng mắc lòng bùng ...

Ngày xưa, "thư sinh, nhà nho kiêng không sờ vào váy, vào quần đàn bà giữa ban ngày". Không biết cụ Khổng lúc bé có phải giặt giữ, phơi quần áo giúp mẹ không?

Nhiều người cho rằng vì váy, quần đàn bà là vật ô uế nên nhà nho không đụng đến. Giải thích như vậy nghe không ổn. Cho dù váy, quần của các bà có ô uế thật đi nữa thì cũng chỉ ô uế vài ngày lúc các bà có tháng thôi. Còn những ngày bình thường thì quần đàn ông hay váy đàn bà đã chắc gì cái nào sạch hơn cái nào? Không riêng gì nhà nho, đến người mù chữ cũng chẳng ai muốn đụng đến những đồ ô uế.

Nhà nho là người dùi mài kinh sử chuyên nghiệp. Ông nào cũng đầy một bụng chữ thánh hiền. Ban ngày ban mặt, nhớ mà đụng vào cái váy hấp dẫn kia thì còn đâu là chữ nghĩa nữa! Cái váy sẽ cạo vét, lau chùi sạch sành sanh cái bụng chữ thì làm sao mà mở mày mở mặt với thiên hạ được! Có muốn sờ thì chờ lúc nhá nhem hãy sờ. "Tối lửa tắt đèn, nhà ngói cũng như nhà tranh", mèo nào cũng xám như nhau. Tranh tối tranh sáng thì ... có mắt cũng như không, còn thấy đường nào mà cạo với vét!

Dân gian có một giai thoại về cái váy.

Chuyện kể rằng ông Lí làng kia mới tậu được cái ô đen. Ông rất hãnh diện, đi đâu cũng che ô để khoe với dân làng. Một hôm ông vênh vang đi qua chỗ có mấy cô gái đang làm cỏ ruộng. Một cô hát:

Hôm qua tôi mất xống thâm

Hôm nay tôi gặp người cầm ô đen.

Một cô phụ họa thêm:

-Nói thế thì ra người ta ăn cắp cái xống thâm, cái váy đen của chị về may ô à? Em nhớ là xống thâm của chị tươi đẹp hơn ô đen kia cơ mà. Để em lên mượn, chúng mình xem cho kĩ nhé.

Ông Lí bầm gan tím ruột định mắng mấy con "vén váy không nên" kia, nhưng ông chợt nghĩ nhớ đụng phải bọn "xấn váy quai cồng" thì thật là nan giải. Nghĩ vậy, ông lí vội cụp ô, chuồn cho nhanh.

Hải Phòng cũng có một giai thoại tương tự.

Trong một cuộc hát đúm, cô gái tấn công trước:

Hôm qua em mất cái váy thâm

Hôm nay em thấy anh cầm một chiếc ô đen.

Cô gái chanh chua vừa dứt lời, liền được chàng trai nhã nhặn đáp lễ:

Em nói thế là em cũng nhầm

Hôm qua anh thấy ông đội khăn thâm ra đình

Trong lúc các bà nhà quê phải mất nhiều năm mới bỏ được cái váy sồi, váy đùm, váy đụp, thì mấy cô ở thành thị lại hờn hờ tung hô cái váy xoè, váy chèn, váy cụt của phương Tây.

Thú phở trương ao ước bấy lâu nay! Giờ mới được mân mê cái váy hiện đại, hiện sinh ... hiện hình!

Khách bên đường sững sờ liếc trộm cái của lạ muôn màu, muôn vẻ ... Muôn năm!

Thấy mà chóng cả mặt, chỉ ... muốn nằm!

Nguồn:

<http://chimviet.free.fr/quehuong/nguyendu/nddq071.htm>

